

TÌM HIỂU MỘT SỐ ĐỊA DANH LỊCH SỬ Ở TÂY NAM BỘ*Võ Nữ Hạnh Trang*¹**TÓM TẮT**

Tây Nam Bộ là vùng đất có hơn 300 năm hình thành và phát triển. Tìm hiểu địa danh lịch sử Tây Nam Bộ sẽ làm rõ nguyên nhân ra đời các địa danh gắn liền lịch sử của con người trên vùng đất này. Có nhiều địa danh quen thuộc nhưng khi tìm hiểu mới phát hiện tên gọi của chúng phản ánh lịch sử một thời kỳ hay một sự kiện lịch sử nào đó tại nơi nó tồn tại. Một số địa danh ở Tây Nam Bộ như: đường Chi Lăng (An Giang), đường Mậu Thân (Mỹ Tho), Ba Mươi Tháng Tư (30/4)(Vĩnh Long), kênh Trục Thăng (Hậu Giang), cầu Dung Quất (Vĩnh Long), tỉnh Hậu Giang... là nguồn tư liệu quý cho các nhà nghiên cứu khi tìm hiểu về vùng đất này.

Từ khóa: Dân tộc, lịch sử, địa danh, văn hóa, Tây Nam Bộ, Mậu Thân, Dung Quất, Vũng Linh, Ba Tháng Hai (3/2)

1. Mở đầu

Địa danh - cách con người dùng để gọi tên địa hình thiên nhiên, công trình xây dựng hay đơn vị hành chính, vùng lãnh thổ - là sản phẩm của con người, do con người tạo ra nhằm phục vụ cho đời sống của mình. Do vậy, địa danh cũng là một hiện tượng văn hóa lưu giữ những trầm tích lịch sử, văn hóa, phong tục, tổ chức xã hội... của cư dân ở một vùng đất.

Trải qua các biến cố lịch sử khác nhau, hệ thống địa danh của Tây Nam Bộ ít nhiều có sự thay đổi cho phù hợp sự phát triển của từng thời kỳ. Điều đó không chỉ phản ánh một cách trung thực lịch sử, ngôn ngữ mà còn biểu hiện sự đa dạng phong phú về văn hóa ở địa phương trong tiến trình phát triển của nó. Qua địa danh, chúng ta biết thêm những thay đổi về địa giới, đơn vị hành chính của vùng đất Tây

Nam Bộ với lịch sử trên 300 năm hình thành, phát triển.

2. Nội dung

Địa danh là một phạm trù lịch sử, mang những dấu vết của thời điểm mà nó chào đời và được xem là “đài kỷ niệm” hay là “tấm bia bằng ngôn ngữ độc đáo về thời đại của mình” [1]. Vì vậy địa danh ở Tây Nam Bộ còn cho chúng ta biết được các biến cố - sự kiện lịch sử đã xảy ra trên vùng đất này, cũng thông qua đó giúp hiểu hơn về đời sống cả vật chất, tinh thần của người dân Tây Nam Bộ trong một giai đoạn đã qua.

2.1. Địa danh phản ánh các sự kiện gắn liền với lịch sử dân tộc

Một số địa danh những tưởng rất bình thường nhưng khi tìm hiểu mới phát hiện tên gọi của chúng có thể giúp hiểu rõ hơn lịch sử một thời kỳ hoặc một sự kiện lịch sử nơi mà nó tồn tại.

¹Trường Đại học Đồng Nai
Email: vohanhtrang@gmail.com

Các địa danh ở Tây Nam Bộ cũng vậy, nó đã trở thành “nhân chứng” phản ánh lịch sử của vùng đất với bao thăng trầm. Qua đó, phản ánh ý chí, sức sống của con người trong lịch sử.

Trên khắp đất nước Việt Nam, nhiều địa danh vốn chỉ dùng để định danh, nhưng theo thời gian, những địa danh ấy gắn liền với một sự kiện và trở nên có “sức mạnh” lan tỏa đến nỗi chỉ cần nhắc đến tên ta nhớ ngay đến những sự kiện gắn liền với địa danh. Chợ và thị trấn mang tên Chi Lăng¹ ở Tỉnh Biên (An Giang) là minh chứng đầu tiên cho điều đó. Chi Lăng trở thành niềm tự hào của nhiều người dân Việt Nam, phản ánh lịch sử đấu tranh anh dũng chống ngoại xâm. Vì thế không chỉ ở Tây Nam Bộ mà còn ở nhiều nơi khác, Chi Lăng thường được dùng để gọi tên như một cách thể hiện lòng tự hào dân tộc và sâu xa hơn nữa là lòng biết ơn đối với các thế hệ đã hy sinh cho độc lập dân tộc hôm nay.

Con đường mang tên Tết Mậu Thân ở Mỹ Tho (Tiền Giang) cũng phản ánh một dấu mốc trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước, một sự kiện lịch sử quan trọng của dân tộc. Đó là cuộc Tổng tiến công của Quân giải phóng năm 1968 gây cho địch nhiều thiệt hại. Để nhắc đến sự kiện này, mọi người quen gọi bằng cụm từ “Tết Mậu

Thân” như một cách đánh dấu mốc sự kiện bằng dấu mốc thời gian. Hay như kênh Ba Mươi Tháng Tư (30/4) ở huyện Bình Minh (Vĩnh Long) cũng xuất phát từ một sự kiện đặc biệt trong lịch sử dân tộc. Ngày 30 tháng 4 năm 1975 là ngày giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước. Ngày này đã đi vào lịch sử như một mốc son đánh dấu sự chấm dứt những năm tháng chiến tranh, mở ra một trang mới độc lập tự do cho dân tộc. Số đếm thời gian của sự kiện tưởng chừng khô khan nhưng thật ra ngay trong bản thân con số ấy cũng đã hàm chứa sự tự hào, hàm chứa cả một giai đoạn lịch sử hào hùng lẫn bi thương của đất nước. Vì thế tự thân con số ấy lại ý nghĩa hơn bất kỳ cuốn sách, trang viết nào về những năm tháng chống Mỹ cứu nước của cả dân tộc Việt Nam.

Hai con kênh ở huyện Bình Minh, Bình Tân (Vĩnh Long) đều mang tên Hai Mươi Sáu Tháng Ba (26/3). Kênh 26/3 ở huyện Bình Minh được đào năm 1979, còn kênh ở huyện Bình Tân đào khoảng năm 1940, trước đây gọi kênh Ông Thượng. Đây là tên gọi mà theo cách giải thích của người địa phương, trước đây có người tên Thượng là chủ đất tổ chức đào nên lấy tên ông đặt cho dòng kênh. Đến năm 1985, kênh được nạo vét lại bằng cơ giới và đổi thành 26/3. Tương tự như cách đặt tên kênh 30/4 ở trên, con kênh này lấy một dấu mốc khác cũng rất ý nghĩa trong lịch sử dân tộc, đó là ngày thành lập Đoàn

¹ Chi Lăng là vùng đất của tỉnh Lạng Sơn, là nơi Lê Hoàn đánh thắng quân Tống (981) và Lê Lợi giết được tướng Liễu Thăng (1427).

Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh 26 tháng 3 năm 1931, một tổ chức chính trị - xã hội lớn nhất của thanh niên Việt Nam dưới Đảng Cộng sản Việt Nam, do Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập, lãnh đạo và rèn luyện. Ngoài ra, con kênh mang tên Hai Sáu Tháng Ba cũng ở huyện Bình Tân (Vĩnh Long) được đào trong các năm 1976 và 1983. Sở dĩ có tên gọi này là vì kênh được đào vào ngày thành lập Đoàn 26 tháng 3 do các đoàn viên trong địa phương trực tiếp tham gia. Đây cũng là một cách ghi dấu lại những hoạt động có ý nghĩa mà tổ chức Đoàn thường xuyên thực hiện trên mọi miền Tổ quốc.

Hai dòng kênh cùng mang tên Ba Tháng Hai (Vĩnh Long) lại là một minh chứng cho tên địa danh gắn liền sự kiện lịch sử. Đây chính là ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (3-2-1930) - tổ chức chính trị có ảnh hưởng lớn đến sự phát triển kinh tế, xã hội, chính trị của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Theo tìm hiểu của chúng tôi, hai con kênh này được đào năm 1979 và 1984. Tên gọi trên được chính quyền và nhân dân thống nhất đặt nhằm kỷ niệm dấu mốc đặc biệt này trong lịch sử dân tộc.

Gần đây nhất, cây cầu ở xã Trung Hiếu, huyện Vũng Liêm (Vĩnh Long) nối ấp An Điền 1 với ấp Bình Trung, dài 106m, khánh thành ngày 21-11-2012 được lấy tên là Dung Quất¹. Trong

¹ Dung Quất là một khu kinh tế được xây dựng ở phía đông huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi,

những năm gần đây, nền kinh tế Việt Nam có những chuyển biến lớn với việc thành lập nhiều khu kinh tế trọng điểm. Cây cầu mang tên này không hẳn nhằm đánh dấu sự ra đời khu kinh tế này mà nhằm kỷ niệm ngày sinh của người ra quyết định xây dựng khu kinh tế Dung Quất là Thủ tướng Võ Văn Kiệt (23-11-1922), người con của đất Vũng Liêm (Vĩnh Long), người đã đẩy mạnh công cuộc đổi mới và cải cách chính sách ở Việt Nam kể từ năm 1986, cũng là “tổng công trình sư” nhiều dự án táo bạo của thời kỳ đổi mới. Như vậy, với địa danh này, chúng ta lại có thêm dẫn chứng cho đặc trưng trọng tình trọng tính cách văn hóa Việt Nam nói chung và sự “mở thoáng” trong tính cách con người Tây Nam Bộ nói riêng.

2.2. Địa danh phản ánh các sự kiện gắn liền lịch sử Tây Nam Bộ

Một sự kiện lưu lại khá nhiều dấu ấn ở Tây Nam Bộ là sự kiện Nguyễn Ánh “lưu lạc” tại một số tỉnh ở Tây Nam Bộ trong cuộc đời đầu với Nguyễn Huệ. Có thể lược qua một số sự kiện bắt đầu tại vùng đất này để nhận diện dấu ấn văn hóa thể hiện qua các sự kiện liên quan đến nhân vật này. Năm 1771, Nguyễn Huệ cùng Nguyễn Nhạc và

Việt Nam theo hướng mở của Việt Nam thành lập theo Quyết định số 50/2005/QĐ-TTg ngày 11 tháng 3 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ Việt Nam về việc thành lập và ban hành quy chế hoạt động của khu kinh tế.

Nguyễn Lữ khởi binh ở đất Tây Sơn¹ (Bình Định) chống chúa Nguyễn với danh nghĩa ủng hộ Nguyễn Phúc Dương. Năm 1773, quân Tây Sơn chiếm thành Quy Nhơn (Bình Định). Lúc này chúa Nguyễn cũng phải chống lại quân Trịnh ở phía bắc đánh vào. Do không địch nổi hai kẻ địch phải bỏ chạy vào Gia Định. Tây Sơn bèn đầu hàng Trịnh để đánh Nguyễn. Năm 1777, Nguyễn Huệ đem quân vào đánh chiếm Gia Định, quân Tây Sơn truy lùng gắt gao, Nguyễn Phúc Thuần và Nguyễn Phúc Dương cùng một số quan lại đã bị bắt và bị giết. Con Nguyễn Phúc Luân là Nguyễn Phúc Ánh (Nguyễn Ánh) thoát nạn ở Long Xuyên (khu vực Cà Mau hiện nay). Ông chạy ra đảo Thổ Chu và được Bá Đa Lộc (*Pigneau de Behaine*), một giám mục người Pháp, che chở.

Suốt các năm sau 1778 và 1779, Nguyễn Ánh ra sức củng cố và mở mang Phiên An trấn (vùng Sài Gòn - Gia Định - Long An hiện giờ) với mục đích biến vùng này thành căn cứ địa chống Tây Sơn. Tuy vậy trong hai lần đụng độ nhà Tây Sơn năm 1782, 1783, Nguyễn Ánh đều thất bại và phải trốn chạy nhiều nơi ở vùng Tây Nam Bộ như Hậu Giang, Rạch Giá, Hà Tiên, Phú Quốc... Sau này, nhờ sự giúp đỡ của các thế lực bên ngoài, Nguyễn Ánh đánh bại quân Tây Sơn và lên ngôi hoàng đế năm 1802, lấy niên hiệu là Gia Long.

Những năm tháng bôn ba của Nguyễn Ánh được ghi dấu tại khá nhiều địa danh ở Tây Nam Bộ. Mỗi địa danh ghi dấu một sự kiện liên quan đến nhân vật lịch sử khá đặc biệt này. Như hai địa điểm cùng mang tên Bãi Ngự ở huyện Phú Quốc (Kiên Giang), với địa điểm Bãi Ngự dài trên 1 km ở đảo Thổ Chu, tên gọi này nhắc đến sự kiện Nguyễn Ánh từng đến ở đây trên đường bôn tẩu, ít nhất 3 lần vào các năm 1777, 1782, 1785 [2]. Còn Bãi Ngự ở đảo Hòn Tre lại liên quan đến việc Nguyễn Ánh có đến đây tạm trú và cho đào một giếng nước năm 1780, nay vẫn còn. Ấp Giá Ngự tại huyện Cái Nước (Cà Mau) lại nhằm nhấn mạnh sự kiện Nguyễn Ánh đã lẩn trốn ở đây một thời gian [3]. Bãi cát Thiên Tuế ở đảo Hòn Rái (Kiên Hải, Kiên Giang) được lý giải: Thiên tuế là lời chúc mừng khi chúa Nguyễn Ánh đến tị nạn ở đảo này [2]. Cù lao Mây ở Trà Ôn (Vĩnh Long) gắn với sự kiện Nguyễn Ánh đến đây lánh nạn, đặt tên là Vân Châu (cù lao Mây). Tên gọi quần đảo và xã Thổ Châu thuộc huyện Phú Quốc (Kiên Giang) bắt nguồn từ truyền thuyết, tên đảo do Nguyễn Ánh đặt (cũng như các địa danh Bãi Ngự, Bãi Vọng, Giếng Ngự) vì đã dung trú ông lúc khốn cùng và có nghĩa là “vùng đất đảo quý như châu ngọc” [2]. Rạch Rọ Ghe ở huyện An Minh (Kiên Giang) có hai cách lý giải: *Một là*, tại rạch có nhiều ghe đậu ken dày như cá chạy rọ nên có tên trên. *Hai là*, xưa chúa Nguyễn Ánh đi ghe lớn đến đây kẹt lại

¹ Còn gọi là quân Tây Sơn, nhà Tây Sơn.

phải vận động dân đẩy ghe mới ra biển được nên rạch mang tên Ra Ghe, sau bị đọc trại thành Rọ Ghe. Thuyết hai được sử sách ghi chép lại [2]. Điềm qua một vài địa danh để thấy được sự kiện Nguyễn Ánh bôn tẩu ở vùng Tây Nam Bộ cũng để lại dấu ấn thể hiện qua địa danh. Qua cách đặt tên những sự việc gắn liền sự kiện đó có thể thấy được tình cảm của người dân vùng Tây Nam Bộ đối với một nhân vật hoàng tộc thất thế và đặc trưng văn hóa Việt qua cách sử dụng một số từ ngữ chỉ sự trang trọng dành riêng cho triều đình như “ngự” “thiên tuế”...

Ngoài ra, còn rất nhiều địa danh gắn với những sự kiện lịch sử liên quan đến vùng đất. Cầu Bảy Mười Hai Nhịp thuộc huyện Hồng Ngự (Đồng Tháp) ghi dấu sự kiện mùa mưa năm 1945, cầu tre 72 nhịp được bắc để Xứ ủy Nam Kỳ dễ dàng hoạt động nhưng đã bị giặc Pháp phá hỏng. Sau ngày 30-4-1975, một chiếc cầu bê tông kiên cố được xây dựng, nhưng tên cũ vẫn được sử dụng để ghi một dấu ấn lịch sử. Ngã ba Tháp nằm trên tỉnh lộ 6 nối rạch Miễu với Bến Tre được đặt tên này vì trước kia nơi đây thực dân Pháp có xây một đài kỷ niệm những người lính Việt bị bắt đi lính cho chúng và đã chết ở trời Tây. Sau năm 1945, đài đã bị đập bỏ, nhưng tên ngã ba Tháp vẫn còn.

Với kênh Trục Thăng ở huyện Long Mỹ (Hậu Giang), một con kênh được đào năm 1962, nhằm vận chuyển

vũ khí, quân trang và phục vụ việc tưới tiêu để canh tác thì tên gọi này gắn với thời kháng chiến chống Mỹ, do địch biết được mục đích sử dụng con kênh này nên ngày 17-2-1962, Mỹ đã dùng trực thăng ồ ạt đổ quân, bắt giữ 70 người. Tên gọi hồ Vũng Linh (Vũng Liêm, Vĩnh Long) ghi dấu một sự kiện lịch sử đau thương gắn liền với hồ này. Ngày 23-2-1872, sau cuộc khởi nghĩa của Lê Cẩn - Nguyễn Giao diệt tên tham biện Salicetti tại cầu Vong, để trả thù, giặc Pháp đã đàn áp dã man giết trên 500 dân làng Trung Trạch, vớt thây xuống hồ.

Chợ Thang Trông huyện Chợ Gạo (Tiền Giang) gắn với việc Thống suất Nguyễn Cửu Vân chỉ huy đào kênh Vũng Gù đã cho làm một cái chòi cao nhằm bắc *thang* leo lên *trông* để nhắm đào cho thẳng [4]. Tên gọi xóm Cừ Đứt thuộc Hà Tiên (Kiên Giang) ra đời liên quan đến sự kiện đầu thế kỷ XX, người Pháp cho xáng mức đất đổ lấp từ ngọn Giang Thành đến đầu vàm Đông Hồ để làm đường. Vì bị Nhật đảo chính, người Pháp bỏ dở, những hàng cừ đóng dọc bờ đất bị đứt, bờ sạt lở nên có tên trên [2]. Cầu Bò ở Trà Ôn (Vĩnh Long) lại gắn liền với sự kiện tháng 7-1952, Pháp đóng đồn ở khu vực này, bắt dân dỡ đình Tường Thọ, lấy gỗ làm đồn và lát ván cầu. Nhưng chưa kịp lát ván, chúng bị tấn công, phải bỏ qua cầu nên dân đặt tên cầu như thế.

Có thể thấy, những địa danh trên đều nhắc đến các dấu mốc liên quan đến lịch sử vùng đất nhưng đồng thời cũng thể hiện nét dĩ dõm, chất phác trong tính cách của người Việt miền Tây Nam Bộ.

2.3. Địa danh phản ánh sự thay đổi hành chính qua các thời kỳ

Trước hết là tên gọi về vùng đất. Trong lịch sử, tên gọi Đàng Trong được sử dụng trong thời kỳ Trịnh-Nguyễn phân tranh (1528 - 1777) như một cách phân định hai phía của đất nước: Nam và Bắc, Đàng Trong nhằm chỉ phía Nam và được tính từ sông Gianh trở vào tới Cà Mau với nghĩa là “vùng đất phía trong”. Giai đoạn sau này, chúng ta lại được nghe gọi vùng Nam Kỳ, đây cũng được hiểu là “vùng đất phía nam” của đất nước nhưng ranh giới hành chính khác trước. Đây là cách nhà Nguyễn (Minh Mạng) gọi từ năm 1832, gồm sáu tỉnh Biên Hòa, Gia Định, Định Tường, Vĩnh Long, An Giang, Hà Tiên. Liên quan đến cách chia này chúng ta còn nghe cách gọi địa danh Lục Tỉnh nhằm chỉ sáu tỉnh Nam Kỳ theo cách chia của nhà Nguyễn. Thật ra “Sự thay đổi quan trọng về chế độ hành chính này là biện pháp để chính quyền phong kiến trung ương nắm chắc các địa phương hơn” [5]. Sau khi Nam Kỳ rơi vào tay thực dân Pháp, các tỉnh này lại tách thành hai mươi tỉnh và một khu¹.

¹ Bao gồm: 1. Bà Rịa, 2. Bạc Liêu, 3. Bến Tre, 4. Biên Hòa, 5. Cần Thơ, 6. Châu Đốc, 7. Chợ Lớn, 8. Gia Định, 9. Gò Công, 10. Hà Tiên, 11. Long Xuyên, 12. Mỹ Tho, 13. Rạch Giá, 14. Sa Đéc, 15. Sóc Trăng, 16. Tân An, 17. Tây Ninh,

Tháng 3 năm 1945, Thống sứ Nhật Nashimura đổi Nam Kỳ thành Nam Bộ. Đối với chính quyền Việt Minh kể từ năm 1946 thì Nam Bộ bao gồm 21 tỉnh thành trong tổng số 72 tỉnh thành của cả nước, gồm 20 tỉnh và một thành phố². Ngày 12/10/1951, Ủy ban Kháng chiến Hành chính Nam Bộ (thuộc chính quyền Việt Nam dân chủ cộng hòa) chia Liên khu Nam Bộ thành 2 phân liên khu: Miền Đông gồm 5 tỉnh: Gia Định Ninh (Gia Định, Tây Ninh), Thủ Biên (Thủ Dầu Một, Biên Hòa), Bà Rịa - Chợ Lớn, Mỹ Tho và Long Châu Sa; Miền Tây gồm 6 tỉnh: Bến Tre, Vĩnh Trà (Vĩnh Long, Trà Vinh), Cần Thơ, Sóc Trăng, Bạc Liêu và Long Châu Hà. Trải qua quá trình chia tách, từ năm 2004 đến nay, Nam Bộ có 19 tỉnh thành chia thành Đông Nam Bộ (6 tỉnh thành)³ và Tây Nam Bộ (13 tỉnh thành).

Như vậy, chỉ cần nghe cách gọi khu vực phía nam của đất nước, chúng ta có thể biết được địa giới hành chính của khu vực cũng như biết cách gọi này thuộc giai đoạn nào trong lịch sử, tìm hiểu sâu hơn sẽ hiểu cả về đặc trưng thời đại chi phối cách phân chia

18. Thủ Dầu Một, 19. Trà Vinh, 20. Vĩnh Long, 21. Khu Sài Gòn - Chợ Lớn.

² Bao gồm: Chợ Lớn, Gia Định, Bà Rịa, Biên Hòa, Thủ Dầu Một, Tây Ninh, Tân An, Mỹ Tho, Bến Tre, Vĩnh Long, Trà Vinh, Sa Đéc, Châu Đốc, Hà Tiên, Long Xuyên, Cần Thơ, Sóc Trăng, Gò Công, Rạch Giá, Bạc Liêu và thành phố Sài Gòn

³ Gồm thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Bình Dương, Bình Phước, Đồng Nai, Tây Ninh.

và gọi các địa danh. Đồng thời cũng giúp có cái nhìn cụ thể hơn khi nhìn nhận các vấn đề liên quan đến lịch sử văn hóa Tây Nam Bộ theo từng thời kỳ, giai đoạn.

Trước hết là các tên gọi dùng để chỉ vùng Tây Nam Bộ tùy theo giai đoạn và địa giới hành chính khác nhau. Giai đoạn đầu kháng chiến chống Pháp (1947 - 1951), tên gọi Long Châu Tiền được phía Cách mạng đặt để chỉ một phần miền Tây Nam Bộ gồm 5 quận: Châu Phú B (An Phú ngày nay), Chợ Mới, Hồng Ngự, Lấp Vò, Tân Châu. Tỉnh này tái lập từ tháng 4-1974 đến tháng 2-1976, gồm 6 huyện: An Phú, Hồng Ngự, Phú Tân A, Phú Tân B, Tam Nông, Tân Châu. Long Châu Tiền là do ghép tên một phần các tỉnh Long Xuyên, Châu Đốc và từ Tiền để phân biệt với Long Châu Hậu. Phần còn lại mang tên Long Châu Hậu gồm 6 quận: Châu Phú A, Châu Thành (bao gồm hai tỉnh lỵ Long Xuyên và Châu Đốc), Thoại Sơn, Thốt Nốt, Tịnh Biên, Tri Tôn. Long Châu Hậu là do ghép tên một phần các tỉnh Long Xuyên, Châu Đốc và từ Hậu để phân biệt với Long Châu Tiền. Long Châu Hậu nhập Hà Tiên vào tỉnh này ngày 30-10-1950. Địa danh Long Châu Hà là tên gọi do phía Cách mạng đặt cuối thời kháng chiến chống Pháp (1950 - 1954) ở miền Tây Nam Bộ, gồm 8 quận: Châu Phú A, Châu Thành, Giang Châu, Phú Quốc, Thoại Sơn, Thốt Nốt, Tịnh Biên, Tri Tôn. Từ tháng 4-1974 đến tháng 2-1976 có sự thay đổi bao gồm thêm hai thị xã Long Xuyên, Châu Đốc và 7 huyện:

Châu Phú, Châu Thành A (Rạch Giá), Châu Thành X, Huệ Đức, Phú Quốc, Tịnh Biên, Tri Tôn. Tên gọi Long Châu Hà là do ghép tên một phần các tỉnh Long Xuyên, Châu Đốc và Hà Tiên. Còn Long Châu Sa là tỉnh do phía Cách mạng đặt cuối thời kháng chiến chống Pháp (1951 - 1954) ở miền Tây Nam Bộ gồm 7 huyện: Cao Lãnh, Châu Thành (Sa Đéc), Chợ Mới, Lai Vung, Phú Châu, Tân Châu, Tân Hồng. Long Châu Sa là do ghép tên một phần các tỉnh Long Châu Tiền và Sa Đéc.

Tài liệu thời nhà Nguyễn ghi lại một số địa danh như Định Viễn, Tuy Biên. Định Viễn là một châu thuộc dinh Long Hồ, phủ Gia Định, được lập năm 1732. Nguyên đây là đất Tầm Bào của Thủy Chân Lạp do vua Chân Lạp hiến tặng. Đến năm 1756, cho 2 phủ Tầm Đôn và Lôi Lạp thuộc vào. Tháng 11-1779, đặt thuộc dinh Hoàng Trấn, sau đổi thành Vĩnh Trấn. Đến ngày 15-7-1867, đổi thành hạt thanh tra Vĩnh Long. Còn Tuy Biên là phủ của tỉnh An Giang, lập năm 1839, nguyên là đất của 2 huyện Vĩnh An và Vĩnh Định (Vĩnh Long).

Thời Pháp, địa danh Long Tường trong một số tài liệu nhằm để chỉ quận do thực dân Pháp đặt năm 1859 gồm hai tỉnh Vĩnh Long và Định Tường. Long Tường là tên ghép chữ cuối của hai tỉnh. Tên gọi tỉnh Định Tường (nghĩa là "tốt đẹp và ổn định") cũng là tên gọi từ thời Pháp từ năm 1832 đến năm 1899, rồi bị chia thành ba tỉnh Mỹ Tho, Sa Đéc và Gò Công. Từ ngày 22-10-1956 (tỉnh lỵ: Mỹ Tho), tên cũ Mỹ Tho - Gò Công, ngày 24-4-1957, gồm có 7 quận:

Bến Tranh, Cai Lậy, Cái Bè, Châu Thành, Chợ Gạo, Hòa Đông, Gò Công, đến 20-12-1975 thì giải thể. Nay thuộc tỉnh Tiền Giang. Sau 1945, Minh Hải là tỉnh được thành lập tháng 2-1976 khi nhập hai tỉnh An Xuyên và Cà Mau. Đến ngày 6-11-1996, lại tách thành hai tỉnh Bạc Liêu và Cà Mau. Địa danh Bến Thủ nhằm gọi một huyện cũ của tỉnh Long An, được lập ngày 11-3-1977 do nhập hai huyện Bến Lức và Thủ Thừa; đến ngày 14-1-1983 lại tách thành hai huyện như cũ. Bến Thủ là tên ghép chữ đầu của hai huyện.

Với các xã, sự thay đổi diễn ra khá thường xuyên theo quá trình thay đổi địa danh hành chính trực thuộc tỉnh, huyện, tổng, trấn..., như xã Phú Khánh (Thạnh Phú, Bến Tre) do hai làng Đông Phú và Đông Khánh ghép lại, Tam Thôn Hiệp thuộc quận Cần Giuộc (Long An), Tam Thôn Hiệp là do ba thôn Khánh Độ, An Thạnh và Tân Phước hợp lại năm 1945. Tương tự còn nhiều xã khác cũng ghép từ các làng, các thôn như Tân An Luông, Trung Hiếu (Vũng Liêm), Tân An Thạnh

(Bình Minh) tỉnh Vĩnh Long hay Tường Đa (Châu Thành, Bến Tre)...

Nhìn chung, các địa danh hành chính, đặc biệt giai đoạn từ thời Pháp thuộc về sau, thường được cấu tạo theo kiểu ghép các yếu tố có trong tên làng, xã, thôn, huyện... để tạo thành tên mới. Cách gọi như thế dễ nhớ và thuận lợi cho việc nắm bắt các địa phương trực thuộc đơn vị hành chính đó, đồng thời phản ánh tư duy, tâm lý của các chủ thể trên vùng đất trong suốt tiến trình lịch sử.

3. Kết luận

Tìm hiểu lịch sử văn hóa Tây Nam Bộ từ góc độ địa danh, có thể thấy điểm chung nhất là địa danh thường biểu thị cho đặc điểm địa phương, gắn với tình cảm con người trong mối quan hệ tự nhiên, xã hội, cộng đồng, dân tộc. Do đó địa danh có tính bảo lưu khá mạnh mẽ. Tuy nhiên theo thời gian, địa danh vẫn có những thay đổi đáng kể. Thông qua sự thay đổi địa danh chúng ta có thể nhận ra những đặc trưng văn hóa từng thời đại bộc lộ qua địa danh mà Tây Nam Bộ là một minh chứng rõ nét.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lê Trung Hoa (2005), *Tìm hiểu nguồn gốc địa danh Nam Bộ và tiếng Việt văn học*, Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội
2. Nguyễn Anh Động (2011), *Di tích - danh thắng và địa danh Kiên Giang*, Nhà xuất bản Thanh Niên, Hà Nội
3. Huỳnh Minh (2001), *Định Tường (Mỹ Tho) xưa*, Nhà xuất bản Thanh niên, Hà Nội
4. *Đại Nam nhất thống chí - lục tỉnh Nam Việt* (1959) (Tu Trai Nguyễn Tạo dịch), Nhà Văn hóa - Bộ Quốc gia Giáo dục, Sài Gòn
5. Trần Thị Thu Lương (1994), *Chế độ sở hữu và canh tác ruộng đất ở Nam Bộ*, Nhà xuất bản TP. Hồ Chí Minh

6. Nguyễn Quang Ân (1997), *Việt Nam - Những thay đổi địa danh và địa giới các đơn vị hành chính 1945-1997*, Nhà xuất bản Văn hóa Thông tin, Hà Nội
7. Trịnh Hoài Đức (2005), *Gia Định thành thông chí*, Nhà xuất bản Tổng hợp Đồng Nai

LEARNING SOME HISTORICAL PLACES IN THE WESTERN PART OF SOUTH VIETNAM

ABSTRACT

The South of Vietnam has been formed and developed for more than 300 years. Learning some historical places in the Western part of South Vietnam will clarify the cause of the birth of the name of the places associated with the human history on this land. Many places are familiar but when they are detected, their name reflects the history of a period or a certain historical events where it exists such as: Chi Lang street (Hau Giang Province), Mau Than street (Tien Giang Province), 30 April street, Helicopter swamp (Hau Giang Province), Dung Quat bridge (Vinh Long Province), Hau Giang province, which is the valuable sources for researchers who wish to study more about the land.

Keywords: *People, history, the name of place, culture, Western part of South Vietnam, Mau Than, Dung Quat, Vung Linh, 3 February street*

(Received: 05/05/2017, Revised: 24/06/2017, Accepted for publication: 24/7/2017)